

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/3/2025.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh và ông Đào Văn Hậu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 11/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 191/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1981. "Có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1982. "Có mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2004 tại UBND xã H, thị xã K (nay là thành phố K), tỉnh Kon Tum. Việc kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường đi làm ăn xa, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bên cạnh đó thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận kéo dài, cãi nhau, đánh nhau. Từ đó, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, chị là cán bộ nên nhin không muốn ai biết mâu thuẫn vợ chồng. Chị đã nộp đơn ly hôn 01 lần vào tháng 8/2024, sau đó rút đơn để vợ, chồng đoàn tụ nhưng sau khi chị rút đơn ly hôn thì anh T lại làm đơn đến 05 cơ quan quản lý chị, bôi nhọ danh dự chị. Vợ, chồng chị đã

không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 4 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai, việc ai người ấy làm. Sau khi được Tòa án hòa giải để vợ, chồng chị về đoàn tụ, vợ, chồng chị vẫn không chung sống với nhau; Vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh T đi nói xấu chị, bôi nhọ danh dự chị với hàng xóm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn yêu thương anh T nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T càng sớm càng tốt để chị ổn định cuộc sống, tránh cãi nhau, xúc phạm nhau ảnh hưởng đến con cái.

Về con chung: Vợ, chồng chị sinh được 03 con chung là Đặng Thị Minh T1, sinh ngày 27/12/2007, Đặng Văn Gia T2, sinh ngày 17/6/2013 và Đặng Thị An T3, sinh ngày 01/11/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị nhận chịu.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 24/10/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày ở trên của chị Nguyễn Thị Tuyết H về thời gian, địa điểm kết hôn và việc kết hôn tự nguyện là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Việc chị H trình bày về mâu thuẫn vợ, chồng anh không đồng ý. Anh thường đi làm ăn xa là đúng và việc chị H nói anh có quan hệ bất chính là đúng nhưng sự việc đã xảy ra lâu rồi, vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Gần 05 năm nay anh đã không đi làm ăn xa nữa, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H mê tín, lên đồng, cầu cúng, ghen tuông rồi chửi anh, đánh anh nhưng anh không chửi lại, không đánh lại. Tháng 7/2024 chị H làm đơn xin ly hôn với anh, sau đó chị H rút đơn về đoàn tụ. Vào tháng 9/2024 anh đã làm đơn yêu cầu đến các cơ quan quản lý chị H kiến nghị ngăn chặn việc làm sai trái của chị H như đập phá đồ đạc, cây cối, tài sản chứ không phải bôi nhọ chị H. Đến ngày 26/10/2024 thì chị H thuê người dọn đồ của anh, đuổi anh ra khỏi nhà, anh đã ở tại thùng xe ô tô tải của vợ chồng tại khu đất trống đối diện nhà của vợ, chồng từ đó đến nay. Anh vẫn quan tâm chị H nhưng chị H hay chửi anh nên anh không dám vào nhà, việc ai người ấy làm. Sau khi Tòa án hòa giải đoàn tụ thì vợ, chồng anh không thể trao đổi được với nhau về vấn đề đoàn tụ mà chị H còn chửi anh, xúc phạm anh nhiều lần, chị H là người vô đạo đức. Anh vẫn ở ngoài. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh không đồng ý. Anh vẫn yêu thương chị H, muốn vợ, chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 03 con chung như chị H trình bày ở trên là đúng. Anh không đồng ý ly hôn, để các con được nuôi dưỡng có cả bố lẫn mẹ.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về án phí DSST: Chị H nhận chịu, anh đồng ý.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt, bị đơn thực hiện tương đối tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H được ly hôn với anh T; Về con chung, giao 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố K nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố K giải quyết là đúng quy định của pháp luật;

[2] *Về nội dung vụ án:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Đặng Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng: Chị H và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác nên chị H mất lòng tin vào anh T, vợ, chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự nhau, đánh nhau. Chị H đã làm đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án vào tháng 8 năm 2024, sau đó chị đã rút đơn đề vợ, chồng đoàn tụ nhưng tình trạng hôn nhân không hòa hợp mà càng căng thẳng. Anh T đã làm đơn đến cơ quan chị H công tác để xin hòa giải mâu thuẫn cho vợ, chồng (BL 44). Hiện tại vợ, chồng anh, chị đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, không thể cùng nói chuyện với nhau để san sẻ công việc của gia đình (BL 24, 25, 47, 48 và 49). Chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và quy định tại Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì chị H và anh T đã vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình về tình nghĩa vợ

chồng. Anh T không chung thủy, vợ chồng không tôn trọng, xúc phạm nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống nên được xác định hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Đặng Văn T cùng khai vợ chồng có sinh được 03 con chung là Đặng Thị Minh T1, sinh ngày 27/12/2007, Đặng Văn Gia T2, sinh ngày 17/6/2013 và Đặng Thị An T3, sinh ngày 01/11/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giao cho chị cả 03 con chung để chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, chị H là phụ nữ nên việc chăm sóc con sẽ tốt hơn anh T và chị H có việc làm, thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, trong thời gian chị H và anh T không chung sống với nhau các con chung ở với chị H, chị H chăm sóc các cháu có sức khỏe tốt, đạt kết quả học tập cao. Đồng thời, các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật HN&GD cần chấp nhận yêu cầu của chị H nêu trên về việc được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng, chị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết H về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Thị Minh T1, sinh ngày 27/12/2007, Đặng Văn Gia T2, sinh ngày 17/6/2013 và Đặng Thị An T3, sinh ngày 01/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và

giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Đặng Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và nợ nần: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai số 0000182 ngày 10/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 3 năm 2025), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi Cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung

